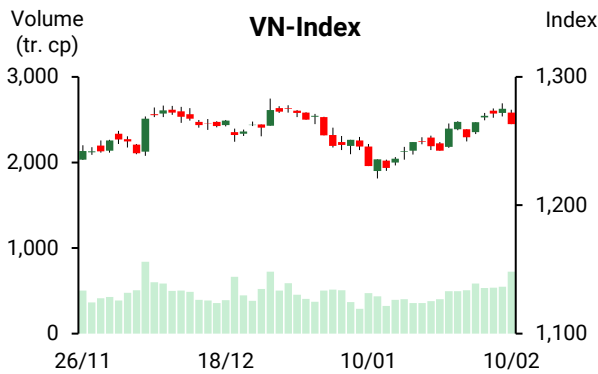


10/02/2025	HOSE		VN30		HNX	
	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %	Giá trị	Thay đổi %
Giá đóng cửa	1,263.26	-0.94%	1,330.88	-0.74%	227.97	-0.66%
<b>Tổng KLGD (tr. cp)</b>	<b>725.06</b>	<b>17.07%</b>	<b>335.18</b>	<b>47.85%</b>	<b>62.22</b>	<b>-4.08%</b>
<b>KLGD khớp lệnh (tr. cp)</b>	<b>722.46</b>	<b>31.45%</b>	<b>283.97</b>	<b>46.33%</b>	<b>61.83</b>	<b>9.37%</b>
TB 20 phiên (tr. cp)	455.51	58.60%	155.60	82.50%	43.66	41.60%
<b>Tổng GTGD (tỷ VND)</b>	<b>18,829</b>	<b>28.07%</b>	<b>10,140</b>	<b>30.54%</b>	<b>965</b>	<b>0.20%</b>
<b>GTGD khớp lệnh (tỷ VND)</b>	<b>17,286</b>	<b>37.65%</b>	<b>9,029</b>	<b>45.18%</b>	<b>949</b>	<b>12.47%</b>
TB 20 phiên (tỷ VND)	10,409	66.07%	4,873	85.27%	689	37.80%
<b>Số mã tăng</b>	119	22%	9	30%	89	38%
<b>Số mã giảm</b>	355	67%	16	53%	91	39%
<b>Số mã đứng giá</b>	56	11%	5	17%	55	23%



### ĐIỂM NHẤN THỊ TRƯỜNG

Thị trường bất ngờ đảo chiều giảm mạnh trong phiên ngày thứ hai đầu tuần với các chỉ số chính đóng cửa tại mức thấp nhất phiên. Sắc đỏ duy trì trong xuyên suốt phiên giao dịch với áp lực chính đến từ các nhóm thép, công nghệ, bán lẻ. Nhà đầu tư tìm cách bán tháo cổ phiếu thép sau bình luận áp thuế thép nhập khẩu vào Mỹ của tổng thống Trump. Trong khi đó, nhóm công nghệ tiếp tục điều chỉnh theo xu hướng cổ phiếu công nghệ toàn cầu sau cơn bão DeepSeek. Mặt khác, nhóm vốn hóa vừa và nhỏ cũng xuất hiện dấu hiệu điều chỉnh đáng kể, khiến thanh khoản phiên hôm nay tăng vượt mức trung bình. Ở chiều ngược lại, vẫn có một số nhóm ngược dòng tăng tốt như ngân hàng, hóa chất, dầu khí, nhóm cổ phiếu thuộc họ Masan. Về giao dịch khối ngoại, khối này bán ròng phiên thứ sáu liên tiếp, với giá trị khoảng 450 tỷ đồng.

### GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Về mặt kỹ thuật, đồ thị VN-Index có nền giảm dài đặc kèm khối lượng tăng cao, cho thấy áp lực bán mạnh. Tuy nhiên phiên giảm mạnh này vẫn chưa đánh mất vùng hỗ trợ quan trọng nào, do đó vẫn chưa khiến tín hiệu chuyển biến xấu. Chúng tôi cho rằng khả năng đây chỉ là nhịp chỉnh ngắn vài phiên với hỗ trợ gần ở vùng 1250-1265. Kỳ vọng áp lực bán sẽ yếu dần trong các phiên tới. Đối với HNX-Index, chỉ số cũng có phiên giảm trở lại. Tín hiệu có nền giảm đặc trở lại kèm khối lượng cao nhưng mức giảm không quá mạnh, cho tín hiệu không xấu, khả năng chỉ là điều chỉnh ngắn do gặp vùng cản quanh 230. Hỗ trợ gần ở 223-225. Chiến lược chung có thể nắm giữ vị thế, các nhóm ưu tiên chú ý như Ngân hàng, Đầu tư công, Dầu khí, Cảng biển, Săm lốp.

### CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ: Bán CSV

(Xem chi tiết ở trang 2)

## DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ THEO TÍN HIỆU KỸ THUẬT

### Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	CSV	Bán	11/02/2025	42.95	42.95	0.0%	50.0	16.4%	40	-6.9%	Tín hiệu suy yếu, khả năng thủng MA50

### Danh mục cổ phiếu đã khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN dự kiến	Giá cắt lỗ	Lỗ dự kiến	Ghi chú
1	CTD	Nắm giữ	05/02/2025	81.60	68.80	18.6%	85	23.5%	65.5	-4.8%	
2	CTG	Mua	15/01/2025	40.30	36.95	9.1%	41	11.0%	35.4	-4%	
3	ACB	Mua	16/01/2025	25.80	24.90	3.6%	26.5	6.4%	24	-4%	
4	DRI	Mua	20/01/2025	12.92	12.2	5.9%	14.5	18.9%	11.4	-7%	
5	PNJ	Mua	21/01/2025	95.20	95.5	-0.3%	102	6.8%	93	-3%	Điều chỉnh giá sau chia cổ tức 600đ/cp
6	ELC	Nắm giữ	06/02/2025	28.50	27.7	2.9%	32	16%	26.4	-5%	
7	HAX	Mua	05/02/2025	16.85	17.1	-1.5%	20	17%	16.1	-6%	
8	PTB	Mua	07/02/2025	60.5	63.6	-4.9%	69	8%	60	-6%	

## TIN TỨC TRONG NGÀY

### Tin trong nước

#### **Xuất khẩu gỗ 15 ngày đầu tháng 1 đạt hơn 18.700 tỷ đồng**

Cục Xuất nhập khẩu (Bộ Công thương) dẫn số liệu thống kê mới nhất từ Tổng cục Hải quan cho biết, trong 15 ngày đầu tháng 1-2025, xuất khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ của Việt Nam đạt 738,8 triệu USD (tương đương hơn 18.700 tỷ đồng, tăng 15,6% so với cùng kỳ năm 2024). Trong đó, giá trị xuất khẩu sản phẩm từ gỗ đạt 500,7 triệu USD (tương đương gần 12.674 tỷ đồng, tăng 18,6% so với cùng kỳ năm 2024).

Năm 2024, xuất khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ của Việt Nam đạt kỷ lục 16,25 tỷ USD (tăng 20,3% so với năm 2023). Năm 2025, Cục Lâm nghiệp (Bộ Nông nghiệp và PTNT) đặt mục tiêu xuất khẩu gỗ và sản phẩm từ gỗ xuất khẩu đạt khoảng 18 tỷ USD.

#### **Xuất khẩu thủy sản tháng 1/2025**

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), kim ngạch xuất khẩu thủy sản của Việt Nam trong tháng 1/2025 đạt 774,3 triệu USD, tăng 3,3% so với cùng kỳ năm 2024. Đây là một kết quả khả quan so với cùng kỳ năm 2024, khi Tết Nguyên đán rơi vào cuối tháng 1, đã tác động đáng kể đến kết quả xuất khẩu. Tóm tiếp tục là mặt hàng có sự tăng trưởng mạnh mẽ nhất trong tháng 1/2025, với kim ngạch xuất khẩu đạt 300 triệu USD, tăng 24% so với tháng 1/2024, chiếm 39% tổng kim ngạch xuất khẩu thủy sản.

Trong tháng 1/2025, thị trường xuất khẩu thủy sản của Việt Nam ghi nhận sự chênh lệch lớn trong xu hướng tiêu thụ. Trong khi thị trường Trung Quốc và Hồng Kông tăng trưởng mạnh mẽ với mức tăng trưởng 64,9%, thị trường Hoa Kỳ và EU lại gặp khó khăn với sự suy giảm 16,0% và 17,6% tương ứng.

Theo VASEP, trong năm 2025, thị trường thủy sản toàn cầu dự báo sẽ có nhiều biến động, với các yếu tố như thay đổi thói quen tiêu dùng, chính sách thuế quan và biến động cung cầu ảnh hưởng đến xuất khẩu thủy sản Việt Nam. Đặc biệt, sự giảm sút trong nhu cầu tại các thị trường lớn như Trung Quốc và Mỹ sẽ đặt ra thách thức lớn đối với các sản phẩm như tôm, cá tra và cá ngừ.

#### **Tăng liên tục, giá vàng nhẫn lập đỉnh mới**

Chiều 10/02, Bảo Tín Minh Châu điều chỉnh tăng mạnh giá vàng nhẫn tròn trơn, hiện giao dịch ở mức 88,85 - 91,25 triệu đồng/lượng, tăng 2,05 triệu đồng/lượng ở chiều mua vào và 1 triệu đồng/lượng ở chiều bán ra so với mở cửa phiên giao dịch sáng nay. PNJ cũng điều chỉnh giá vàng nhẫn lên mức 88 - 90,5 triệu đồng/lượng. Công ty SJC nâng giá vàng nhẫn lên mức 87,8 - 90,4 triệu đồng/lượng.

Giá vàng SJC tại doanh nghiệp như Bảo Tín Minh Châu, PNJ, công ty SJC cũng vượt mốc 91 triệu đồng/lượng ở chiều bán ra. Hiện, giá vàng miếng đang giao dịch ở mức 88,3 - 91,3 triệu đồng/lượng tăng 1,5 triệu đồng/lượng ở chiều mua vào và 1 triệu đồng/lượng ở chiều bán ra.

Giá vàng trong nước tăng liên tục khi vàng thế giới tiếp đà tăng dựng đứng. Cùng thời điểm chiều nay, theo giờ Việt Nam, vàng thế giới tăng một mạch lên mốc 2.888 USD/ounce, tăng 28 USD so với phiên giao dịch trước đó.

Nguồn: Fireant, Vneconomy, Cafef

## Tin doanh nghiệp niêm yết

### **FPT đặt mục tiêu doanh thu năm 2025 hơn 3 tỷ USD, lợi nhuận năm thứ 5 liên tiếp tăng trưởng trên 20%**

Tập đoàn FPT (mã: FPT) vừa công bố nghị quyết HĐQT về kế hoạch kinh doanh năm 2025, FPT đặt mục tiêu doanh thu 75.400 tỷ đồng, tăng 20% so với năm 2024 (so với cùng kỳ); lợi nhuận trước thuế 13.395 tỷ đồng, tăng 21%. Nếu hoàn thành, đây sẽ tiếp tục là mức doanh thu và lợi nhuận kỷ lục mới của doanh nghiệp đầu ngành công nghệ Việt Nam và sẽ là năm thứ 5 liên tiếp tăng trưởng trên 20%/năm.

FPT vẫn đang là doanh nghiệp tư nhân có vốn hóa lớn nhất trên sàn chứng khoán, đạt mức gần 215.000 tỷ đồng, kém Vietcombank, Viettel Global, ACV và BIDV.

### **Viettel Construction (CTR) báo lãi năm 2024 cao kỷ lục**

Theo công bố từ Viettel Construction (mã CTR), kết thúc năm 2024, công ty đã hoàn thành 100% kế hoạch năm với doanh thu đạt 12.666 tỷ đồng, tăng trưởng 11% so với năm 2023. Lợi nhuận trước thuế đạt xấp xỉ 672 tỷ, tăng gần 6% qua đó ghi nhận mức cao kỷ lục của doanh nghiệp "họ" Viettel này. Riêng trong tháng 12/2024, CTR đạt doanh thu 981 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế hơn 64 tỷ, lần lượt tăng trưởng 4,2% và 29% so với cùng kỳ.

Trong năm 2024, các mảng hoạt động chính của Viettel Construction đều ghi nhận doanh thu tăng trưởng tốt. Trong đó, đáng chú ý là mảng Hạ tầng cho thuê ghi nhận mức tăng trưởng cao nhất với doanh thu tăng 45% lên 631 tỷ đồng.

### **An Phát Holdings dự báo lợi nhuận năm 2025 chưa bằng 1/2 năm ngoái**

Năm 2024, CTCP Tập đoàn An Phát Holdings (Mã: APH) ghi nhận doanh thu thuần đạt 14.193 tỷ đồng, lãi sau thuế 308 tỷ đồng; tăng lần lượt 2% và 41% so với năm 2023. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ (lợi nhuận ròng) gấp gần 3,6 lần lên 124 tỷ. Tính riêng quý IV, doanh thu của tập đoàn tăng 21% so với cùng kỳ lên 3.845 tỷ song lãi sau thuế giảm 20% còn 32 tỷ đồng do tăng mạnh chi phí bán hàng.

HĐQT An Phát Holdings đã thông qua kế hoạch kinh doanh năm 2025 với chỉ tiêu doanh thu thuần hợp nhất là 14.000 tỷ đồng, giảm 1,3% so với năm 2024. Còn kế hoạch lợi nhuận ròng năm nay chỉ bằng 48% so với năm ngoái với 60 tỷ đồng. EPS năm 2025 dự báo khoảng 246 đồng.

Với công ty thành viên là CTCP Nhựa An Phát Xanh (Mã: AAA), quý IV/2024, doanh nghiệp đạt 3.843 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 43% so với cùng kỳ. Trái lại, lãi ròng giảm 27% còn 54 tỷ đồng do ghi nhận lỗ ở công ty con.

Luỹ kế năm 2024, AAA đạt 12.782 tỷ, lãi ròng đạt 362 tỷ; tăng lần lượt 1,3% và 25% so với năm 2023.

Nguồn: Cafef, Vietnambiz

**THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG**
**TOP 5 TÁC ĐỘNG TĂNG INDEX**
**HOSE**

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
STB	38,450	2.67%	0.04%
MSN	68,800	1.62%	0.03%
BCM	70,900	1.29%	0.02%
MBB	22,900	0.66%	0.02%
PLX	40,400	1.38%	0.01%

**HNX**

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
KSV	242,000	9.01%	1.10%
PVI	67,900	1.65%	0.07%
HGM	308,700	5.68%	0.06%
OCH	8,000	6.67%	0.03%
DTK	13,300	0.76%	0.02%

**TOP 5 TÁC ĐỘNG GIẢM INDEX**
**HOSE**

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
HPG	25,400	-4.69%	-0.15%
FPT	142,000	-2.81%	-0.11%
VCB	92,200	-0.86%	-0.08%
VHM	37,800	-2.45%	-0.08%
CTG	40,300	-1.23%	-0.05%

**HNX**

Mã CK	Giá đóng cửa	% thay đổi	% tác động
IDC	53,700	-2.01%	-0.10%
VCS	57,700	-3.03%	-0.08%
CEO	12,900	-3.01%	-0.06%
CDN	37,000	-5.13%	-0.05%
NTP	59,700	-2.13%	-0.05%

**TOP 5 GIAO DỊCH KHỚP LỆNH**
**HOSE**

Mã CK	Khối lượng khớp lệnh (cổ phiếu)	Giá trị khớp lệnh (tỷ đồng)
HPG	61,143,342	1,581.7
FPT	7,778,331	1,114.4
STB	21,131,425	810.0
TCB	22,162,122	572.1
VCI	14,438,626	501.5

**HNX**

Mã CK	Khối lượng khớp lệnh (cổ phiếu)	Giá trị khớp lệnh (tỷ đồng)
SHS	12,907,207	174.2
PVS	2,417,769	81.6
MBS	2,963,323	81.5
CEO	4,879,502	63.7
TNG	1,686,328	39.6

**TOP 5 GIAO DỊCH THỎA THUẬN**
**HOSE**

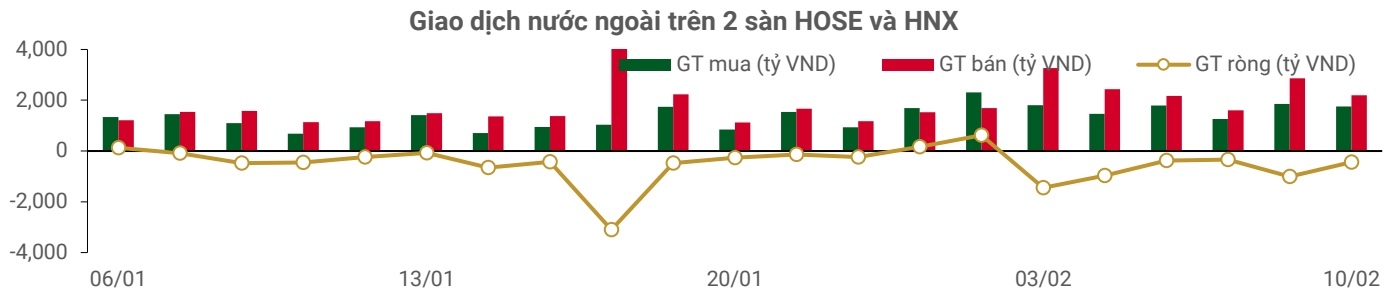
Mã CK	Khối lượng thỏa thuận (cổ phiếu)	GT thỏa thuận (tỷ đồng)
VIC	7,795,400	316.9
SHB	25,086,019	261.2
TCB	7,930,001	203.3
STB	3,280,000	122.8
E1VFN30	3,900,000	91.0

**HNX**

Mã CK	Khối lượng khớp lệnh (cổ phiếu)	Giá trị thỏa thuận (tỷ đồng)
PVI	165,900	11.8
HUT	223,700	3.7
BKC	5,000	0.2

**THỐNG KÊ GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI**

Sàn	Khối lượng mua (triệu cổ phiếu)	Giá trị mua (tỷ đồng)	Khối lượng bán (triệu cổ phiếu)	Giá trị bán (tỷ đồng)	Khối lượng ròng (triệu cổ phiếu)	Giá trị ròng (tỷ đồng)
HOSE	56.84	1,718.03	65.37	2,159.99	(8.54)	(441.97)
HNX	2.00	36.25	1.69	35.53	0.32	0.71
<b>Tổng 2 sàn</b>	<b>58.84</b>	<b>1,754.27</b>	<b>67.06</b>	<b>2,195.52</b>	<b>(8.22)</b>	<b>(441.25)</b>


**TOP 5 MUA NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI**
**HOSE**

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
FPT	142,000	2,058,003	295.23
STB	38,450	4,415,501	169.48
MSN	68,800	1,867,325	128.66
E1VFN30	23,300	3,905,700	91.16
FUEVFVND	32,760	1,882,100	61.56

**HNX**

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
SHS	13,400	1,001,600	13.54
PVS	33,400	183,700	6.19
MBS	27,700	200,400	5.53
VGS	27,100	106,200	2.95
TVC	9,300	140,600	1.32

**TOP 5 BÁN NHIỀU CỦA KHỐI NGOẠI**
**HOSE**

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
FPT	142,000	2,126,930	304.60
HPG	25,400	9,271,937	240.42
MWG	57,400	2,462,500	142.02
VCB	92,200	1,363,100	125.84
E1VFN30	23,300	4,424,900	103.25

**HNX**

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
PVS	33,400	470,900	15.89
CEO	12,900	279,700	3.64
NBC	11,600	211,000	2.44
MBS	27,700	86,700	2.39
TNG	23,200	69,800	1.65

**TOP 5 MUA RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI**
**HOSE**

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
STB	38,450	2,896,100	111.19
MSN	68,800	1,236,525	85.25
OCB	11,350	5,142,640	59.02
SSI	24,900	1,732,440	43.18
FUEVFVND	32,760	1,027,100	33.62

**HNX**

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
SHS	13,400	910,550	12.31
MBS	27,700	113,700	3.14
VGS	27,100	106,200	2.95
TVC	9,300	140,600	1.32
PVI	67,900	13,700	0.90

**TOP 5 BÁN RÒNG CỦA KHỐI NGOẠI**
**HOSE**

Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
HPG	25,400	(7,496,402)	(194.55)
MWG	57,400	(1,875,600)	(108.15)
VCB	92,200	(826,700)	(76.30)
CTG	40,300	(1,226,959)	(49.80)
VHM	37,800	(1,080,074)	(41.22)

**HNX**

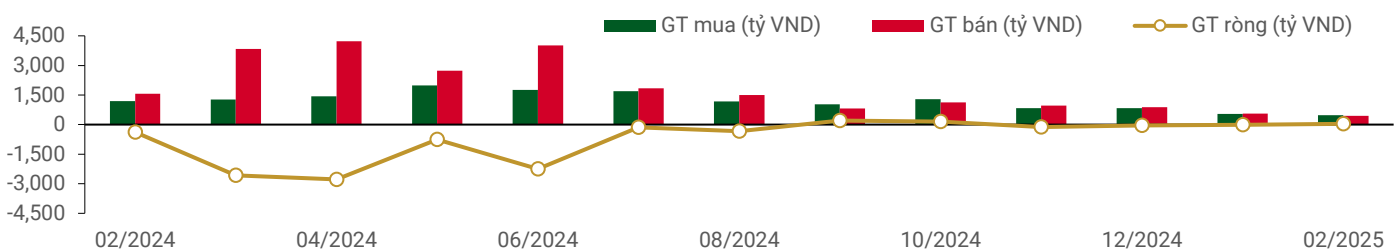
Mã CK	Giá đóng cửa	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
PVS	33,400	(287,200)	(9.70)
CEO	12,900	(262,300)	(3.41)
NBC	11,600	(210,000)	(2.42)
TNG	23,200	(61,400)	(1.45)
DTD	22,200	(41,200)	(0.92)

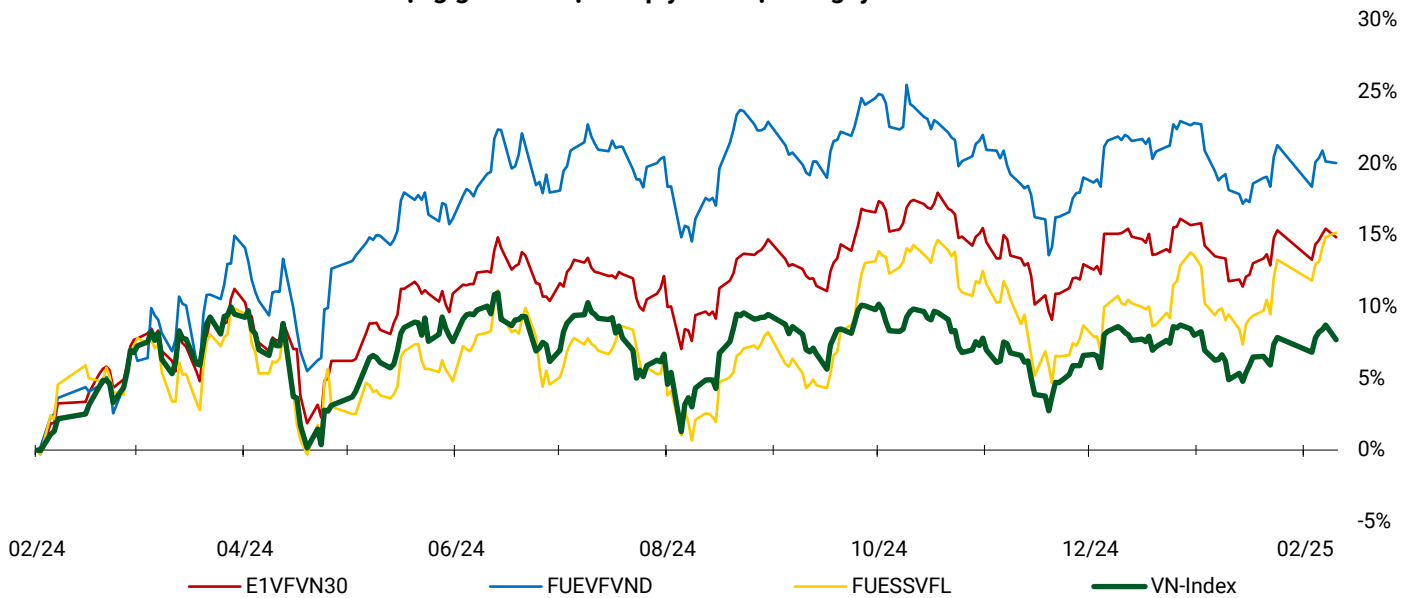
**THỐNG KÊ GIAO DỊCH CÁC CHỨNG CHỈ QUỸ ETF**
**THỐNG KÊ GIÁ**

Mã CK	% thay đổi	Khối lượng (cổ phiếu)	Giá trị (tỷ đồng)
E1VFN30	-0.5%	4,488,005	104.71
FUEMAV30	-1.2%	201	0.00
FUESSV30	-0.7%	13,524	0.22
FUESSV50	-0.6%	12,252	0.25
FUESSVFL	0.3%	547,521	12.14
FUEVFN30	-0.1%	2,185,631	71.47
FUEVN100	-0.8%	48,264	0.86
FUEIP100	-2.1%	1,903	0.02
FUEKIV30	-0.5%	8,900	0.08
FUEDCMID	-1.4%	34,402	0.41
FUEKIVFS	-0.3%	4,700	0.06
FUEMAVND	-2.1%	700	0.01
FUEFCV50	2.5%	5,002	0.06
FUEBFVND	0.0%	0	0.00
FUEKIVND	-0.7%	1,200	0.01
FUEABVND	0.0%	0	0.00
<b>Tổng cộng</b>		<b>7,352,205</b>	<b>190.31</b>

**MUA BÁN CỦA KHỐI NGOẠI**

Mã CK	Giá trị mua (tỷ đồng)	Giá trị bán (tỷ đồng)	Giá trị ròng (tỷ đồng)
E1VFN30	91.16	103.25	(12.08)
FUEMAV30	0.00	0.00	0.00
FUESSV30	0.03	0.11	(0.08)
FUESSV50	0.11	0.10	0.01
FUESSVFL	4.43	6.66	(2.23)
FUEVFN30	61.56	27.94	33.62
FUEVN100	0.15	0.41	(0.26)
FUEIP100	0.00	0.00	0.00
FUEKIV30	0.08	0.00	0.08
FUEDCMID	0.38	0.03	0.36
FUEKIVFS	0.04	0.02	0.02
FUEMAVND	0.00	0.01	(0.01)
FUEFCV50	0.00	0.00	0.00
FUEBFVND	0.00	0.00	0.00
FUEKIVND	0.01	0.00	0.01
FUEABVND	0.00	0.00	0.00
<b>Tổng cộng</b>	<b>157.96</b>	<b>138.53</b>	<b>19.43</b>

**Giao dịch ròng các ETF nội của khối ngoại**


**Biến động giá của một số quỹ ETF nội từ ngày 01/02/2024-10/02/2025**

**THỐNG KÊ GIAO DỊCH CHỨNG QUYỀN CÓ ĐẢM BẢO**

Mã chứng quyền (*)	Giá đóng cửa (VND)	Thay đổi (%)	KL chứng quyền khớp lệnh	Số ngày tới hạn	Giá CKCS (VND)	Giá chứng quyền mua lý thuyết (VND) (**)	Chênh lệch so với giá đóng cửa (VND)	Giá thực hiện quyền (VND)	Tỷ lệ chuyển đổi n:1	Ngày GDCC
CACB2403	540	3.8%	1,061,400	77	25,800	353	(187)	25,000	4.00	24/04/2025
CACB2404	770	5.5%	1,565,160	168	25,800	478	(292)	25,000	4.00	24/07/2025
CACB2405	790	5.3%	2,600	93	25,800	307	(483)	25,500	4.00	12/05/2025
CFPT2402	7,440	-5.3%	25,700	168	142,000	3,663	(3,777)	134,064	3.97	24/07/2025
CFPT2403	5,010	-8.4%	44,400	77	142,000	2,851	(2,159)	134,064	3.97	24/04/2025
CFPT2404	3,220	-3.6%	22,500	267	142,000	1,805	(1,415)	120,161	14.90	31/10/2025
CFPT2405	3,070	-3.8%	800	185	142,000	1,523	(1,547)	134,064	9.93	12/08/2025
CFPT2406	680	-15.0%	8,744	46	142,000	111	(569)	147,658	24.83	26/03/2025
CFPT2407	780	-4.9%	156,800	140	142,000	133	(647)	158,692	24.83	26/06/2025
CHDB2401	210	-8.7%	522,400	46	22,600	38	(172)	25,017	3.34	26/03/2025
CHPG2402	610	-4.7%	957,200	100	25,400	105	(505)	28,177	2.73	19/05/2025
CHPG2403	50	-28.6%	1,429,600	24	25,400	0	(50)	30,500	4.00	04/03/2025
CHPG2406	860	-12.2%	162,700	260	25,400	242	(618)	28,000	4.00	24/10/2025
CHPG2407	520	-20.0%	5,758,300	77	25,400	184	(336)	26,000	4.00	24/04/2025
CHPG2408	690	-14.8%	1,070,400	168	25,400	222	(468)	27,000	4.00	24/07/2025
CHPG2409	1,240	-17.3%	2,905,600	267	25,400	741	(499)	25,000	3.00	31/10/2025
CHPG2410	880	-10.2%	900	185	25,400	170	(710)	28,000	4.00	12/08/2025
CHPG2411	140	-26.3%	160,500	46	25,400	2	(138)	29,999	4.00	26/03/2025
CHPG2412	300	-21.1%	192,100	140	25,400	21	(279)	31,333	4.00	26/06/2025
CMBB2402	1,950	3.2%	2,622,900	100	22,900	1,694	(256)	20,403	1.70	19/05/2025
CMBB2404	1,580	5.3%	476,200	24	22,900	1,457	(123)	20,418	1.74	04/03/2025
CMBB2405	720	4.3%	580,000	168	22,900	508	(212)	22,590	3.48	24/07/2025
CMBB2406	640	4.9%	1,467,800	77	22,900	502	(138)	21,721	3.48	24/04/2025
CMBB2407	1,620	0.0%	2,615,900	267	22,900	1,285	(335)	22,590	1.74	31/10/2025
CMBB2408	310	6.9%	59,700	46	22,900	79	(231)	24,134	4.34	26/03/2025
CMBB2409	490	6.5%	9,700	140	22,900	146	(344)	25,099	4.34	26/06/2025
CMSN2401	40	-33.3%	505,100	24	68,800	1	(39)	82,000	8.00	04/03/2025
CMSN2404	1,200	12.1%	60,200	168	68,800	430	(770)	79,000	4.00	24/07/2025
CMSN2405	520	20.9%	262,200	77	68,800	133	(387)	79,000	4.00	24/04/2025
CMSN2406	950	14.5%	135,900	267	68,800	492	(458)	79,000	6.00	31/10/2025

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.



CMSN2407	130	18.2%	98,700	46	68,800	4	(126)	83,456	10.00	26/03/2025
CMSN2408	260	13.0%	35,200	140	68,800	51	(209)	85,678	10.00	26/06/2025
CMWG2401	1,510	-9.0%	120,000	100	57,400	238	(1,272)	65,479	3.97	19/05/2025
CMWG2403	120	-20.0%	3,010,400	24	57,400	17	(103)	64,487	4.96	04/03/2025
CMWG2405	630	-3.1%	344,400	77	57,400	137	(493)	66,000	4.00	24/04/2025
CMWG2406	1,150	-8.7%	93,200	168	57,400	417	(733)	66,000	4.00	24/07/2025
CMWG2407	680	0.0%	82,400	267	57,400	317	(363)	70,000	6.00	31/10/2025
CMWG2408	670	-13.0%	300	93	57,400	156	(514)	65,000	6.00	12/05/2025
CMWG2409	100	-23.1%	640,400	46	57,400	8	(92)	68,888	10.00	26/03/2025
CMWG2410	290	-12.1%	76,000	140	57,400	63	(227)	70,777	10.00	26/06/2025
CSHB2401	640	-1.5%	30,000	93	10,550	64	(576)	11,500	2.00	12/05/2025
CSHB2402	210	0.0%	380,800	46	10,550	32	(178)	11,333	2.00	26/03/2025
CSHB2403	310	3.3%	1,295,500	140	10,550	37	(273)	12,333	2.00	26/06/2025
CSSB2401	210	-4.5%	614,500	46	18,700	45	(165)	19,999	4.00	26/03/2025
CSTB2402	3,070	8.1%	834,700	100	38,450	2,909	(161)	30,000	3.00	19/05/2025
CSTB2404	1,970	17.3%	353,808	24	38,450	1,876	(94)	31,000	4.00	04/03/2025
CSTB2408	1,090	23.9%	924,100	77	38,450	841	(249)	36,000	4.00	24/04/2025
CSTB2409	1,450	14.2%	378,100	168	38,450	1,068	(382)	36,000	4.00	24/07/2025
CSTB2410	1,950	11.4%	694,200	267	38,450	1,318	(632)	38,000	3.00	31/10/2025
CSTB2411	1,970	13.9%	1,200	93	38,450	1,269	(701)	34,000	4.00	12/05/2025
CSTB2412	630	31.3%	474,900	46	38,450	336	(294)	38,686	4.00	26/03/2025
CSTB2413	1,030	13.2%	3,400	140	38,450	517	(513)	39,679	4.00	26/06/2025
CTCB2403	910	0.0%	325,400	267	25,750	474	(436)	26,000	5.00	31/10/2025
CTCB2404	1,140	0.9%	75,800	185	25,750	487	(653)	25,000	5.00	12/08/2025
CTCB2405	270	-38.6%	3,500	46	25,750	104	(166)	26,868	5.00	26/03/2025
CTCB2406	360	-10.0%	141,400	140	25,750	177	(183)	27,979	5.00	26/06/2025
CTPB2403	760	-6.2%	9,100	93	16,750	200	(560)	17,500	3.00	12/05/2025
CTPB2404	220	-8.3%	8,400	46	16,750	56	(164)	17,888	4.00	26/03/2025
CTPB2405	380	11.8%	419,100	140	16,750	94	(286)	18,999	4.00	26/06/2025
CVHM2402	150	-37.5%	640,700	24	37,800	22	(128)	41,500	4.00	04/03/2025
CVHM2406	310	-16.2%	203,500	168	37,800	48	(262)	50,000	4.00	24/07/2025
CVHM2407	90	-25.0%	2,456,100	77	37,800	6	(84)	49,000	4.00	24/04/2025
CVHM2408	1,660	-1.2%	446,900	267	37,800	885	(775)	38,000	4.00	31/10/2025
CVHM2409	980	-8.4%	500	185	37,800	283	(697)	42,000	5.00	12/08/2025
CVHM2410	110	0.0%	6,200	46	37,800	1	(109)	47,999	5.00	26/03/2025
CVHM2411	290	-3.3%	160,000	140	37,800	20	(270)	50,555	5.00	26/06/2025
CVIB2402	740	-3.9%	841,200	100	20,500	571	(169)	20,515	1.71	19/05/2025
CVIB2405	1,580	1.9%	146,500	77	20,500	1,334	(246)	18,000	2.00	24/04/2025
CVIB2406	790	1.3%	441,800	168	20,500	550	(240)	19,000	4.00	24/07/2025
CVIB2407	2,170	-0.9%	1,333,300	267	20,500	1,627	(543)	18,000	2.00	31/10/2025
CVIB2408	1,020	6.3%	100	93	20,500	384	(636)	19,500	4.00	12/05/2025
CVIC2404	500	-9.1%	69,900	77	40,000	152	(348)	43,000	4.00	24/04/2025
CVIC2405	930	-6.1%	87,000	168	40,000	348	(582)	43,000	4.00	24/07/2025
CVIC2406	120	-29.4%	2,000	46	40,000	5	(115)	46,888	5.00	26/03/2025
CVIC2407	350	-2.8%	447,400	140	40,000	41	(309)	48,999	5.00	26/06/2025
CVJC2401	110	-8.3%	46,800	46	96,800	0	(110)	119,999	10.00	26/03/2025
CVNM2401	540	-3.6%	162,400	100	60,600	177	(363)	63,331	7.68	19/05/2025
CVNM2405	230	-14.8%	111,200	77	60,600	66	(164)	67,472	3.97	24/04/2025
CVNM2406	540	-8.5%	93,600	168	60,600	196	(344)	68,464	3.97	24/07/2025
CVNM2407	550	-8.3%	125,800	267	60,600	290	(260)	67,472	5.95	31/10/2025
CVNM2408	100	-16.7%	1,300,300	46	60,600	0	(100)	76,271	7.94	26/03/2025
CVPB2401	690	4.5%	221,800	100	18,850	268	(422)	19,939	1.90	19/05/2025
CVPB2403	410	-6.8%	550,300	24	18,850	185	(225)	19,000	2.00	04/03/2025
CVPB2407	320	3.2%	3,745,600	168	18,850	120	(200)	21,000	4.00	24/07/2025
CVPB2408	280	-3.4%	91,800	77	18,850	82	(198)	21,000	2.00	24/04/2025
CVPB2409	770	-4.9%	243,700	267	18,850	274	(496)	22,000	2.00	31/10/2025
CVPB2410	860	-5.5%	3,100	185	18,850	181	(679)	21,000	3.00	12/08/2025
CVPB2411	220	-4.3%	7,100	46	18,850	14	(206)	21,666	2.00	26/03/2025
CVPB2412	360	-2.7%	611,600	140	18,850	65	(295)	22,777	2.00	26/06/2025

Bản tin này được cung cấp bởi CTCP Chứng khoán Phú Hưng. Tất cả những thông tin đều được thu thập từ các nguồn đáng tin cậy. Tuy nhiên do thị trường chứng khoán còn chịu ảnh hưởng bởi nhiều nhân tố phức tạp và khó dự báo nên quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về các hoạt động đầu tư của mình.

CVRE2402	10	-50.0%	868,600	24	16,600	0	(10)	23,500	4.00	04/03/2025
CVRE2405	240	-14.3%	1,228,400	77	16,600	125	(115)	19,000	2.00	24/04/2025
CVRE2406	270	-6.9%	809,400	168	16,600	165	(105)	19,000	4.00	24/07/2025
CVRE2407	1,400	-4.8%	485,500	267	16,600	1,115	(285)	16,000	2.00	31/10/2025
CVRE2408	660	0.0%	0	185	16,600	173	(487)	20,000	3.00	12/08/2025
CVRE2409	110	-8.3%	151,400	46	16,600	11	(99)	19,999	4.00	26/03/2025
CVRE2410	150	-11.8%	457,200	140	16,600	36	(114)	21,888	4.00	26/06/2025

(\*) Tất cả đều là chứng quyền mua, thực hiện kiểu Châu Âu và phương thức thanh toán thực hiện chứng quyền bằng tiền

(\*\*) PHS định giá theo mô hình Black-Scholes

## DANH MỤC CỔ PHIẾU PHÂN TÍCH

Mã CK	Sàn	Thị giá	Giá hợp lý *	Ngày ra báo cáo	LNST 2025F (tỷ đồng)
<a href="#">HPG</a>	HOSE	25,400	32,400	10/02/2025	14,815
<a href="#">VNM</a>	HOSE	60,600	72,500	21/01/2025	9,812
<a href="#">STB</a>	HOSE	38,450	38,800	13/01/2025	12,683
<a href="#">ACB</a>	HOSE	25,800	31,900	31/12/2024	17,120
<a href="#">MBB</a>	HOSE	22,900	31,100	31/12/2024	22,022
<a href="#">MSB</a>	HOSE	11,300	13,600	31/12/2024	4,508
<a href="#">SHB</a>	HOSE	10,550	12,400	31/12/2024	6,893
<a href="#">TCB</a>	HOSE	25,750	30,700	31/12/2024	23,928
<a href="#">TPB</a>	HOSE	16,750	19,700	31/12/2024	5,668
<a href="#">VIB</a>	HOSE	20,500	22,900	31/12/2024	7,233
<a href="#">VPB</a>	HOSE	18,850	24,600	31/12/2024	13,111
<a href="#">CTG</a>	HOSE	40,300	42,500	31/12/2024	21,257
<a href="#">HDB</a>	HOSE	22,600	28,000	31/12/2024	13,411
<a href="#">VCB</a>	HOSE	92,200	104,500	31/12/2024	35,641
<a href="#">BID</a>	HOSE	40,350	41,300	31/12/2024	24,111
<a href="#">LPB</a>	HOSE	36,550	28,700	31/12/2024	7,805
<a href="#">MSH</a>	HOSE	51,500	58,500	31/12/2024	436
<a href="#">TCM</a>	HOSE	41,900	50,800	31/12/2024	324
<a href="#">IDC</a>	HNX	53,700	72,000	31/12/2024	2,080
<a href="#">SZC</a>	HOSE	42,750	49,500	31/12/2024	511
<a href="#">BCM</a>	HOSE	70,900	80,000	31/12/2024	2,675
<a href="#">SIP</a>	HOSE	79,800	88,000	31/12/2024	1,079
<a href="#">DBD</a>	HOSE	58,500	68,000	31/12/2024	339
<a href="#">IMP</a>	HOSE	46,450	41,800	31/12/2024	349
<a href="#">VHC</a>	HOSE	68,800	83,900	31/12/2024	1,330
<a href="#">ANV</a>	HOSE	16,550	17,200	31/12/2024	156
<a href="#">FMC</a>	HOSE	47,650	50,300	31/12/2024	343
<a href="#">SAB</a>	HOSE	52,200	64,000	31/12/2024	4,802
<a href="#">DRI</a>	UPCOM	12,919	15,100	31/12/2024	127
<a href="#">DPR</a>	HOSE	40,900	43,500	31/12/2024	299
<a href="#">MWG</a>	HOSE	57,400	73,600	31/12/2024	5,529
<a href="#">PNJ</a>	HOSE	95,200	118,800	31/12/2024	2,399
<a href="#">VSC</a>	HOSE	17,500	18,200	31/12/2024	202
<a href="#">GMD</a>	HOSE	61,700	71,000	31/12/2024	1,331
<a href="#">HAH</a>	HOSE	52,100	55,200	31/12/2024	732
<a href="#">PVT</a>	HOSE	25,900	31,500	31/12/2024	1,375

Nguồn: PHS

\* Giá hợp lý chưa điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

## Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Phạm Quang Chương, chuyên viên phân tích** – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

## Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó.

### © Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower,

8 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp.HCM

Điện thoại: (84-28) 5 413 5479

Customer Service: 1900 25 23 58

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

**Fax:** (84-28) 5 413 5472

**Call Center:** (84-28) 5 413 5488

**Web:** www.phs.vn

#### Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby  
81-83-83B-85 Hàm Nghi,  
P. Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Tp.HCM

**Điện thoại:** (+84-28) 3 535 6060

**Fax:** (+84-28) 3 535 2912

#### PGD Phú Mỹ Hưng

Tòa nhà CR2-08,  
107 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú,  
Quận 7, Tp.HCM

**Điện thoại:** (+84-28) 5 413 5478

**Fax:** (+84-28) 5 413 5473

#### Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower,  
458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2,  
Quận 3, Tp.HCM

**Điện thoại:** (+84-28) 3 820 8068

**Fax:** (+84-28) 3 820 8206

#### Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex,  
N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Trung  
Hòa, Quận Cầu Giấy, Hà Nội

**Phone:** (+84-24) 6 250 9999

**Fax:** (+84-24) 6 250 6666

#### Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend,  
251 Hoàng Văn Thụ, Phường 2, Quận  
Tân Bình, Tp.HCM.

**Điện thoại:** (+84-28) 3 813 2401

**Fax:** (+84-28) 3 813 2415

#### Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco,  
18 Trần Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng,  
Hải Phòng

**Phone:** (+84-22) 384 1810

**Fax:** (+84-22) 384 1801